TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày 19-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết

Ông Thạch Phới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng S; địa chỉ: Số 266 - 268 đường N, phường V, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc - Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn T, chức vụ: Trưởng Phòng - Phòng giao dịch T, thuộc Ngân hàng S chi nhánh T; địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, Tỉnh Trà Vinh (theo Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng S). (xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Thạch N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/10/2021, ông Thạch N có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S vay số tiền 500.000.000 đồng và có thế chấp bằng 4 tài sản. Sau đó, ông Thạch N đề nghị Ngân hàng cấp thêm thẻ tín dụng để phục vụ tiêu dùng cá nhân, căn cứ điều kiện khách hàng vay có tài sản, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Thạch N với hạn mức 50.000.000 đồng; ngày 21/10/2021, ông Thạch N ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1849412 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), lãi suất là 2,2%/tháng; lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); ông Thạch N phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 27 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ngày 15/11/2021 ông Thạch N đã thực hiện giao dịch rút tiền với số tiền là 49.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Thạch N đã thanh toán cho Ngân hàng 12 lần tổng số tiền 18.273.600 đồng (trong đó, giảm vốn số tiền 805.990 đồng, trả lãi tổng số tiền 17.467.610 đồng).

Kể từ tháng 04/2023, ông Thạch N ngừng thanh toán; Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Thạch N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Thạch N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 15/6/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); tính đến ngày 19/8/2024, ông Thạch N còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 48.194.010 đồng, lãi 26.344.073 đồng, tổng cộng 74.538.083 đồng.

Nay Ngân hàng S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Thạch N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/8/2024 là 74.538.083 đồng; ông Thạch N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng; buộc ông Thạch N phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí khác.

Bị đơn ông Thạch N: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên

đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Thạch N vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử và Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch N.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng, vào ngày 21/10/2021 ông Thạch N có đề nghị Ngân hàng S cấp thẻ tín dụng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1849412 ngày 21/10/2021 với hạn mức 50.000.000 đồng; việc các bên ký kết hợp đồng nêu trên là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, nay ông Thạch N đã vi phạm nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Thạch N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2024) là 74.538.083 đồng (trong đó: vốn gốc là 48.194.010 đồng; lãi là 26.344.073 đồng); kể từ ngày ngày 20/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Thạch N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong vụ kiện này Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Thạch N phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1849412 ngày 21/10/2021 với tổng số tiền là 74.538.083 đồng (tính đến ngày 19/8/2024), do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Thạch N là bị đơn nhưng không có mặt ở địa phương nên Tòa án đã không thực hiện được việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Thạch N, qua xác minh chính quyền địa phương thì ông Thạch N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương trước khi Tòa án thụ lý vụ án, không ai biết địa chỉ ở đâu; căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1849412 ngày 21/10/2021, Ngân hàng S khởi kiện ông Thạch N đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Thạch N theo hợp đồng cho vay, nhưng do ông Thạch N thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú mới thì được coi như ông Thạch N cố tình giấu địa chỉ; do ông Thạch N vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của ông Thạch N nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tống đạt, có xác nhận của chính quyền địa phương và thực hiện thủ tục niêm

yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch N theo quy định.

[3] Về tính hợp pháp của hợp đồng: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1849412 ngày 21/10/2021 được lập thành văn bản, việc ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết được quy định tại các Điều 116, 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự 2015 nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu luật pháp luật, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[4] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở về việc thỏa thuận của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1849412 ngày 21/10/2021 giữa Ngân hàng S và ông Thạch N đã ký kết, xác định được Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1849412 ngày 21/10/2021 là hợp đồng vay tài sản, có thời hạn và có lãi, tính đến thời điểm xét xử ông Thạch N đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi vay nhưng ông Thạch N không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; xét thấy ông Thạch N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên nói trên; do đó, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Thạch N trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2024) là 74.538.083 đồng (Trong đó: vốn gốc là 48.194.010 đồng, lãi là 26.344.073 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn ông Thạch N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; nguyên đơn Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn 1.595.565 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000865 ngày 05/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 179, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 119, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

1. Buộc ông Thạch N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2024) là 74.538.083 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm ba mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng); trong đó: vốn gốc là 48.194.010 đồng; lãi là 26.344.073 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, ông Thạch N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1849412 ngày 21/10/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Thạch N phải chịu 3.726.904 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng S không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng S 1.595.565 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000865 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính